

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Quý 4/2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	176.442.909.521	160.423.183.073
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.519.542.766	7.382.483.922
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	40.564.885.229	24.191.460.326
4	Hàng tồn kho	108.055.689.179	121.539.526.027
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.302.792.347	7.309.712.798
II	Tài sản dài hạn	32.934.352.537	32.743.215.810
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	1.173.752.537	982.615.810
	- Tài sản cố định hữu hình	1.173.752.537	982.615.810
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31.760.600.000	31.760.600.000
5	Tài sản dài hạn khác		
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	209.377.262.058	193.166.398.883
IV	Nợ phải trả	112.654.479.716	96.911.564.365
1	Nợ ngắn hạn	112.571.821.845	96.862.147.018
2	Nợ dài hạn	82.657.871	49.417.347
V	Vốn chủ sở hữu	96.722.782.342	96.254.834.518
1	Vốn chủ sở hữu	95.486.806.255	93.734.151.380
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	5.062.183.977	7.039.783.387
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.424.622.278	6.694.367.993
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.235.976.087	2.520.683.138
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.235.976.087	2.520.683.138
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	209.377.262.058	193.166.398.883

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.287.461.978	185.762.833.660
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	969.047.168	1.883.575.499
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.318.414.810	183.879.258.161
4	Giá vốn hàng bán	14.464.032.879	145.643.637.143
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.854.381.931	38.235.621.018
6	Doanh thu hoạt động tài chính	-68.355.568	341.807.277
7	Chi phí tài chính	651.577.174	4.848.323.600
8	Chi phí bán hàng	-58.696.580	6.163.660.222
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.430.039.297	7.077.065.580
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-236.893.528	20.488.378.893
11	Thu nhập khác	51.250.711	408.081.792
12	Chi phí khác		
13	Lợi nhuận khác	51.250.711	408.081.792
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-185.642.817	20.896.460.685
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	296.186.975	3.694.523.120
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-481.829.792	17.201.937.565
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.150
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 21 tháng 01 năm 2010
Giám đốc công ty

Xà Thiệu Hoàng

